

H' nT : H' c phFn : 131014200601 - Kđ c Bđ c¹ ng tr³nh H' c k8 : HK01

STT	Mã S´	L ₂ P SV	H ₂ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêIN										TBC TP	QUY TS 50%	η IqM THI	QUY TS 50%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010481	36C1	η ₂ Th ^o nh An	27/02/1994	6.0	7.0	5.0	4.0	5.0						5.4	2.7	2.0	1.0	3.7	
2	3641010098	36C1	Nguy ₂ n Ho ^o ng r n	21/09/1993	6.0	8.0	8.0	7.0	7.0						7.2	3.6	5.0	2.5	6.1	
3	3641010072	36C1	H ^o VêIn Bf _o	02/03/1993	5.0	4.0	5.0	1.0	5.0						4.0	2.0	6.0	3.0	5.0	
4	3641010482	36C1	Vô Xuân Biên	02/02/1994	7.0	8.0	9.0	8.0	7.0						7.8	3.9	2.0	1.0	4.9	
5	3641010023	36C1	Trf _h Nh-ê Bình	07/03/1990	6.0	8.0	6.0	6.0	7.0						6.6	3.3	2.0	1.0	4.3	
6	3641010121	36C1	η ^o m Công	28/03/1994	7.0	9.0	8.0	7.0	7.0						7.6	3.8	5.0	2.5	6.3	
7	3641010026	36C1	Trf _h Minh D-êng	27/08/1993	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0						8.4	4.2	6.0	3.0	7.2	
8	3641010141	36C1	H ^o S: η ang	09/09/1994	6.0	5.0	4.0	4.0	6.0						5.0	2.5	1.0	0.5	3.0	
9	3641010135	36C1	Nguy ₂ n Th ^o nh η ^o Ừ	20/07/1994	6.0	7.0	5.0	5.0	5.0						5.6	2.8	1.0	0.5	3.3	
10	3641010128	36C1	Ph ^o m Ti/η η ^o Ừ	30/07/1994	7.0	9.0	9.0	8.0	7.0						8.0	4.0	5.0	2.5	6.5	
11	3641010049	36C1	Lê Hoàng η ^o í p	21/07/1993	5.0	7.0	5.0	7.0	5.0						5.8	2.9	4.0	2.0	4.9	
12	3641010148	36C1	B ^o VêIn η ^o o ^o n	12/01/1993	7.0	8.0	9.0	7.0	7.0						7.6	3.8	1.0	0.5	4.3	
13	3641010101	36C1	Vô Phúc Hêu	18/06/1994	7.0	9.0	6.0	9.0	6.0						7.4	3.7	2.0	1.0	4.7	
14	3641010081	36C1	T ₂ C ^o ng Kha	21/02/1993	6.0	9.0	7.0	8.0	6.0						7.2	3.6	6.0	3.0	6.6	
15	3641010070	36C1	Nguy ₂ n Duy Khang	08/09/1994	5.0	9.0	9.0	8.0	6.0						7.4	3.7	5.0	2.5	6.2	
16	3641010032	36C1	Mai Tùng Lâm	11/05/1994	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
17	3641010113	36C1	L ^o D-êng Linh	16/11/1993	7.0	5.0	5.0	8.0	6.0						6.2	3.1	8.0	4.0	7.1	
18	3641010146	36C1	Quêch H ₂ u Nam	23/08/1993	7.0	6.0	6.0	7.0	6.0						6.4	3.2	4.0	2.0	5.2	
19	3641010109	36C1	η ₂ M ^o nh Nguyên	03/10/1993	8.0	8.0	6.0	9.0	6.0						7.4	3.7	8.0	4.0	7.7	
20	3641010097	36C1	Nguy ₂ n Quang Phúc	10/11/1992	7.0	9.0	7.0	7.0	7.0						7.4	3.7	6.0	3.0	6.7	

H ư T : H c phFn : 131014200601 - KJ c ư c 1 ng tr 3 nh H c k8 : HK01

STT	Mã S´	L, P SV	H´ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHẫN										TBC TP	QUY TS 50%	η IqM THI	QUY TS 50%	η IqM TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10							
21	3641010082	36C1	H° Ng` c	Quý	15/01/1994	7.0	9.0	7.0	8.0	7.0						7.6	3.8	7.0	3.5	7.3	
22	3641010057	36C1	Phan Thanh	Shn	01/03/1994	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0						8.2	4.1	8.0	4.0	8.1	
23	3641010053	36C1	Nguy, n Nhđt	Tân	23/12/1993	7.0	6.0	4.0	4.0	5.0						5.2	2.6	3.0	1.5	4.1	
24	3641010105	36C1	V» TỄi	Tây	17/05/1994	7.0	8.0	7.0	5.0	5.0						6.4	3.2	8.0	4.0	7.2	
25	3641010046	36C1	Nguy, n Th`nh	Ti/Jh	10/12/1994	8.0	8.0	7.0	6.0	6.0						7.0	3.5	3.0	1.5	5.0	
26	3641010354	36C1	TrỖn VỄn	Tĩnh	05/02/1992	8.0	9.0	6.0	8.0	6.0						7.4	3.7	8.0	4.0	7.7	
27	3641010095	36C1	η `m Trung	Tích	06/02/1994	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	3641010092	36C1	H° H_ u	Toàn	20/04/1994	8.0	9.0	9.0	9.0	7.0						8.4	4.2	9.0	4.5	8.7	
29	3641010090	36C1	L° Ng` c	Toàn	13/02/1994	6.0	6.0	5.0	8.0	6.0						6.2	3.1	3.0	1.5	4.6	
30	3641010124	36C1	TrỖn Anh	ToỄi	28/04/1991	7.0	8.0	6.0	9.0	6.0						7.2	3.6	7.0	3.5	7.1	
31	3641010040	36C1	Phan Thanh	TuỄi	19/02/1993	7.0	9.0	6.0	8.0	6.0						7.2	3.6	6.0	3.0	6.6	
32	3641010011	36C1	Võ Duy	TuỄi	16/03/1994	4.0	6.0	4.0	5.0	5.0						4.8	2.4	1.0	0.5	2.9	
33	3641010083	36C1	TrỖng VỄn	Tuyên	30/07/1994	6.0	7.0	4.0	7.0	5.0						5.8	2.9	6.0	3.0	5.9	
34	3641010074	36C1	TrỖn VỄn	Tú	21/06/1994	5.0	4.0	6.0	6.0	5.0						5.2	2.6	7.0	3.5	6.1	
35	3641010025	36C1	L° TỄi	ThỄi	24/05/1990	4.0	6.0	6.0	4.0	5.0						5.0	2.5	2.0	1.0	3.5	
36	3642010143	36C1	Nguy, n VỄn	ThỄch	00/00/1991	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0						8.6	4.3	9.0	4.5	8.8	
37	3641010030	36C1	Phan η_ c	Thi	26/06/1993	7.0	8.0	6.0	7.0	6.0						6.8	3.4	3.0	1.5	4.9	
38	3641010042	36C1	Nguy, n Qu´ c	Th`nh	20/08/1994	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
39	3641010111	36C1	L° Qu´ c	TrỖn	29/01/1994	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
40	3641010136	36C1	TrỖn Minh	Trí	11/12/1993	5.0	6.0	4.0	6.0	5.0						5.2	2.6	3.0	1.5	4.1	

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN - MÔN THIÊN NHIÊN HỌC

Khóa học :

Lớp học : 36C1

Năm học : 2013-2014

ĐVT : 5
(75,0,0,0,0,0)

Họ tên :

Học phần : 131014200601 - Kỹ thuật trồng trọt

Học kỳ : HK01

STT	Mã số	Lớp SV	Họ và Tên	NGÀY SINH	Điểm Thiên Nhiên Học										TBC TP	QUY TS 50%	Điểm THI	QUY TS 50%	Điểm TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3601010016	36C1	Hồng Ngọc	Trần	21/01/1994	6.0	7.0	5.0	5.0	5.0					5.6	2.8	5.0	2.5	5.3	
42	3541010604	35C5	Trần Minh	Trần	23/07/1993	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
43	3641010108	36C1	Lê Quốc	Văn	00/00/1985	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0					7.6	3.8	7.0	3.5	7.3	
44	3641010112	36C1	Nguyễn Chí	Viên	27/11/1994	7.0	9.0	5.0	7.0	6.0					6.8	3.4	5.0	2.5	5.9	

Tổng số : 44 học sinh sinh viên

Trưởng KhoaGiáo Viên Bộ MônGiáo Viên Khoa

Tp.HCM, ngày / /